

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 652009 - Toán kinh tế

STC : 4(60,0,0,0,0,0)

Lần thi : 2

Lớp :

Năm học : 2012-2013

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Lê Thị	Lý	3652010002	09/05/1994	3,80		3,60	
2	Đặng Vĩ	Phát	3652010010	11/09/1994	5,80		3,90	
3	Nguyễn Xuân	Quang	3652010012	01/06/1994	3,00		2,00	
4	Trần Thị Thảo	Nguyên	3652010017	14/06/1994	3,70		4,20	
5	Lưu	Thanh	3652010024	27/08/1994	4,20		4,20	
6	Nguyễn Thị	Nhi	3652010025	26/04/1994	5,60		3,20	
7	Đào Thị Thanh	Trúc	3652010034	02/11/1994	3,50		2,90	
8	Cao Thị Ánh	Hồng	3652010036	02/02/1993	4,70		3,30	
9	Xà Thị Kim	Thoa	3652010037	05/10/1994	1,80		1,60	
10	Vũ Thị	Ánh	3652010055	28/06/1994	4,80		5,80	
11	Phan Thị Kim	Loan	3652010056	14/11/1993	5,00		4,40	
12	Nguyễn Hoàng	Vũ	3652010058	30/06/1994	4,30		3,40	
13	Nguyễn Thị	Ngân	3652010064	28/02/1994	6,50		4,60	
14	Kiều Mạnh	Linh	3652010066	23/02/1994	3,90		3,20	
15	Đỗ Thị Thu	Trang	3652010076	21/03/1994	4,50		4,40	
16	Nguyễn Minh	Trí	3652010084	10/09/1994	,00		,00	
17	Võ Thị Phương	Thị	3652010093	25/04/1994	6,60		4,50	
18	Lê Văn	Đức	3652010095	14/09/1991	,00		,00	
19	Lê Anh Thành	Nhật	3652010096	29/07/1994	,00		,00	
20	Trang Hoàng	Phúc	3652010111	03/03/1994	3,90		3,90	
21	Lê Thị Thuỳ	Linh	3652010114	22/10/1994	4,50		3,70	
22	Huỳnh Thị Hồng	Mai	3652010117	07/04/1993	4,90		3,60	
23	Phạm Minh	Tuấn	3652010119	21/11/1994	4,30		2,60	
24	Lại Nguyễn Kiều	Trinh	3652010120	09/08/1994	2,00		1,60	
25	Vương Quốc	Phú	3652010121	13/06/1993	3,90		3,10	
26	Chế Phương	Thành	3652010126	11/02/1993	5,80		4,10	
27	Trần Thị	Cúc	3652010127	04/12/1993	4,20		4,30	
28	Lương Nguyễn Bảo	San	3652010130	04/02/1992	5,00		3,80	
29	Nguyễn Ngọc Hoài	Thương	3652010131	13/01/1994	5,00		3,70	
30	Dương Vũ	Cường	3652010134	20/11/1992	5,20		3,90	
31	Trần Võ Huy	Hoàng	3652010138	02/01/1992	2,70		1,80	
32	Nguyễn Thị Anh	Thị	3652010140	30/03/1994	5,90		4,50	
33	Nguyễn Đức	Tài	3652010141	25/03/1991	4,10		3,10	
34	Trịnh Phúc Hồng	Hạnh	3652010142	19/06/1991	5,90		4,10	
35	Dương Thúy	Bình	3652010156	09/02/1994	3,70		4,20	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Trịnh Hùng	Thuận	3652010157	20/01/1994	5,60		3,90	
37	Phạm Công	Nhẫn	3652010310	27/11/1993	3,30		3,80	
38	Phạm Thị Hồng	Thắm	3652010318	22/06/1993	5,50		4,40	
39	Phạm Đức	Thịnh	3652010323	31/08/1994	4,50		4,40	
40	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	3652010324	30/09/1994	3,80		4,20	
41	Vương Đại	Phát	3652010327	25/04/1994	5,30		4,10	
42	Trần Thị	Linh	3652010329	22/11/1994	6,10		4,90	
43	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	3652010340	15/12/1993	4,40		3,60	
44	Trần Thị Thu	Hiền	3652010341	11/10/1994	5,10		3,90	
45	Nguyễn Ngọc	Dung	3652010342	01/05/1993	2,60		2,30	
46	Lê Thị Vũ	Thi	3652010343	01/02/1994	4,30		3,50	
47	Trương Thị Kim	Anh	3652010345	29/04/1994	1,10		1,10	
48	Nguyễn Thị Hà	Xuân	3652010350	25/07/1994	5,30		4,50	
49	Trần Nguyễn Hoài	Duyên	3652010354	29/07/1994	5,20		4,10	
50	Đào Thị Thu	Phương	3652010364	04/11/1994	,00		,00	
51	Nguyễn Thúy	Lan	3652010371	01/01/1993	4,30		4,00	
52	Phạm Thị Hồng	Gấm	3652010372	05/09/1994	6,30		4,70	
53	Nguyễn Thị Việt	Dung	3652010374	12/08/1994	4,00		4,20	
54	Trương Loan Trung	Tá	3652010379	06/11/1994	2,60		3,10	
55	Phan Thị	Sapa	3652010383	30/01/1994	5,30		3,80	
56	Hoàng Thị	Tuyền	3652010384	07/01/1994	4,10		4,90	
57	Nguyễn Đức	Bằng	3652010387	22/12/1994	,10		,00	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 05 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)